

Số : 37 /2007/QĐ - UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức dự toán công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê thành phố Hà Nội

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ văn bản số 113/BXD-KTTC ngày 16/01/2007 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận định mức dự toán công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại văn bản số 246/CV-SXD ngày 31/01/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tập “Định mức dự toán công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê thành phố Hà Nội” làm căn cứ để lập đơn giá, dự toán và quản lý chi phí trong công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn áp dụng và phối hợp với các sở, ngành liên quan quản lý việc thực hiện, giải quyết những vướng mắc, tổng kết, đánh giá việc áp dụng, báo cáo UBND Thành phố và Bộ Xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND Thành phố
(để báo cáo);
- Bộ Xây dựng,
- Công báo;
- VPUB : V1, V5, Ng, THKT
- Lưu VT.

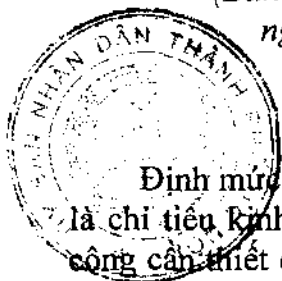
TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quý Đôn

**ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC TRỒNG TRE CHẮN SÓNG
BẢO VỆ ĐÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số : 37 /2007/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 3 năm 2007 của UBND Thành phố)*



THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

Định mức dự toán công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê thành phố Hà Nội là chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng của công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê từ khâu chuẩn bị đến các khâu kết thúc theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định.

I. NỘI DUNG ĐỊNH MỨC

1. Kết cấu tập định mức

Tập định mức dự toán công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê thành phố Hà Nội được trình bày từng phần theo nhóm công việc, được mã hóa theo hệ thống gồm 3 số như sau :

- Số thứ nhất chỉ số thứ tự nhóm công việc trong tập định mức;
- Số thứ hai chỉ số thứ tự trong từng nhóm công việc;
- Số thứ ba chỉ định mức cho công việc cụ thể.

2) Thành phần hao phí

a. Mức hao phí vật liệu:

Là mức hao phí vật liệu trực tiếp cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc, bao gồm cả hao hụt vật liệu khi thi công theo qui định hiện hành.

b. Mức hao phí nhân công:

Mức hao phí nhân công là số ngày công lao động trực tiếp ứng với bậc nhân công qui định để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc; mức hao phí này đã tính đến việc vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30 m ở điều kiện bình thường.

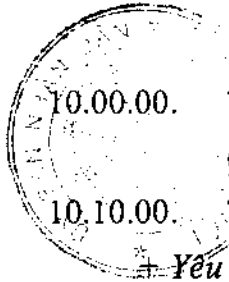
Bậc nhân công quy định trong tập định mức là bậc thợ bình quân của người lao động tham gia thực hiện một đơn vị công việc.

II. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

- Định mức dự toán làm căn cứ để lập đơn giá, dự toán và quản lý chi phí trong công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Trường hợp công tác trồng tre chắn sóng bảo vệ đê thành phố Hà Nội có yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thực hiện khác với quy định trong tập định mức dự toán này thì Chủ đầu tư căn cứ phương pháp xây dựng định mức dự toán do Bộ Xây dựng hướng dẫn, lập định mức dự toán phù hợp, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để áp dụng.

**ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC TRỒNG TRE CHÂN SÓNG
BẢO VỆ ĐÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



10.00.00. TRỒNG TRE, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ TRE THỜI KỲ ĐẦU.

(8 tháng với loại tre thường và 9 tháng với tre Đài Loan)

10.10.00. TRỒNG TRE, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ THỜI KỲ ĐẦU.

+ Yêu cầu kỹ thuật

- Trồng tre dọc chân đê. Trồng theo thời vụ: Xuân - Hè và Thu - Đông. Tre trồng theo yêu cầu thiết kế, giống tre tươi, bánh tẻ có đường kính từ 6 - 10 cm, gốc tre dài 1,2 - 1,4 m, đầu tre không bị dập.

- Tre trang đôi gồm 2 gốc trong một cụm, tre trang đơn gồm 1 gốc trong một cụm (cụm tương đương một hố trồng, khóm gồm nhiều cụm giáp cạnh nhau - thường gồm 3 cụm).

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.

- Đào hố: trồng tre thường kích thước hố (0,5 x 0,5 x 0,5) m; trồng tre Đài Loan kích thước hố (0,4 x 0,4 x 0,4) m.

- Đào, đắp bùn rom lên đầu mống tre.

- Lót lớp bùn dưới đáy hố dày 15 cm.

- Trồng tre, vun gốc, tưới nước, bón phân (nếu trồng tre Đài Loan) theo yêu cầu kỹ thuật.

- Chăm sóc, bảo vệ tre cho đến khi nghiệm thu (8 tháng với tre thường và 9 tháng với tre Đài Loan)

Đơn vị tính: 1 cụm

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tre thường trang đơn	Tre thường trang đôi	Tre Đài Loan	
10.10.	Trồng tre, chăm sóc và bảo vệ thời kỳ đầu	<i>Vật liệu</i>					
		Giống	mống	1,01	1,01	1,01	
		Rom	kg	0,0005	0,0005		
		Nước tưới	m ³	0,027	0,027	0,0414	
		Phân hữu cơ	kg			6	
		<i>Nhân công bậc 1,5/7</i>	công	0,225	0,225	0,301	
			10	20	30		

10.20.00. LÀM HÀNG RÀO BẰNG CỘT BÊ TÔNG, CỘT TRE QUẤN DÂY THÉP GAI BẢO VỆ TRE.

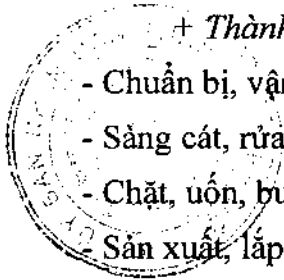
+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dựng cột, chôn cột sâu 0,5 m.
- Trại dây thép gai lán đôi Ø2,5 mm.
- Cố định dây thép vào móc thép Ø6 chôn sẵn trong cột bê tông (đối với cột bê tông). Quấn dây thép vào cột tre (đối với cột tre).
- Khoảng cách giữa 2 lần dây là 0,5 m (trên, dưới cột).
- Khoảng cách giữa các cột là 5 m.

Đơn vị tính: 10 m hàng rào

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cột bê tông	Cột tre
10.20.	Làm hàng rào bằng cột bê tông, cột tre quấn dây thép gai bảo vệ tre	<i>Vật liệu</i> Cột bê tông cốt thép mác 150 (0,1x0,1x1,5) m Cột tre dài 1,5 m, đường kính (6 - 8) cm Dây thép gai Ø2,5 mm <i>Nhân công bậc 1,5/7</i>	cột cột m công	3,012 20,4 0,333	 3,05 22,0 0,333
				10	20

10.30.00. SẢN XUẤT CỘT BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐỂ LÀM HÀNG RÀO BẢO VỆ TRE.



+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Sàng cát, rửa sỏi đá.
- Chặt, uốn, buộc cốt thép.
- Sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn.
- Trộn, đầm, bảo dưỡng bê tông.
- Xếp cột vào vị trí quy định.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
10.30.00.	Sản xuất cột bê tông cốt thép mác 150 kích thước 0,1x0,1x1,5 m để làm hàng rào bảo vệ tre	<i>Vật liệu</i>		
		Xi măng	kg	4,507
		Cát vàng	m ³	0,0072
		Đá dăm	m ³	0,0134
		Thép tròn Ø6	kg	2,04
		Dây thép buộc	kg	0,029
		Đinh 6 cm	kg	0,032
		Gỗ ván khuôn	m ³	0,00027
		Vật liệu khác	%	1
		<i>Nhân công bậc 3/7</i>	<i>công</i>	<i>0,148</i>

10.40.00. TRỒNG DẶM TRE, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ.

+ Yêu cầu kỹ thuật

- Trồng dặm lại các cụm tre bị chết. Tre trồng theo yêu cầu thiết kế, giống tre tươi, bánh tẻ có đường kính từ 6 - 10 cm, gốc tre dài 1,2 - 1,4 m, đầu tre không bị dập.

- Tre trang đôi gồm 2 gốc trong một cụm, tre trang đơn gồm 1 gốc trong một cụm (cụm tương đương một hố trồng, khóm gồm nhiều cụm giáp cạnh nhau - thường gồm 3 cụm).

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Đào hố: trồng tre thường kích thước hố (0,5 x 0,5 x 0,5) m; trồng tre Đài Loan kích thước hố (0,4 x 0,4 x 0,4) m.
- Đào, đắp bùn rom lên đầu mống tre.
- Lót lớp bùn dưới đáy hố dày 15 cm.
- Trồng tre, vun gốc, tưới nước, bón phân (nếu trồng tre Đài Loan) theo yêu cầu kỹ thuật.
- Chăm sóc, bảo vệ tre cho đến khi nghiệm thu.

Đơn vị tính: 1 cụm

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tre thường trang đơn	Tre thường trang đôi	Tre Đài Loan
10.40.	Trồng dặm tre, chăm sóc và bảo vệ thời kỳ đầu	<i>Vật liệu</i> Giống Rom Nước tưới Phân hữu cơ <i>Nhân công bậc 1,5/7</i>	mống kg m ³ kg công	1,01 0,0005 0,027 0,293	1,01 0,0005 0,027 0,293	1,01 0,0414 6 0,390
				10	20	30

Ghi chú: Trồng dặm lại tre với lượng tre chết $\leq 20\%$, nếu chết lớn hơn thì coi như trồng mới.

20.00.00. CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ TRE THỜI KỲ SAU.

(Từ 8 tháng với tre thường và 9 tháng với tre Đài Loan đến khi tre tròn 6 năm tuổi).

20.10.00. CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ TRE THỜI KỲ SAU.

+ Thành phần công việc

- Bảo vệ tre, không để bị chặt phá tre và hàng rào bảo vệ.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh, báo cáo để có biện pháp xử lý kịp thời.

Đơn vị tính: 1 km tre trồng từ 1 đến 3 hàng dọc theo chiều dài đê/1 tháng

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
20.10.00	Chăm sóc và bảo vệ tre thời kỳ sau	Nhân công bậc 1,5/7	công	66

20.20.00. CÔNG TÁC LÀM CỎ, XỚI ĐẤT.

+ Thành phần công việc

- Làm cỏ, phát bỏ cây dại, xới đất xung quanh gốc tre, rộng 2 m²/1 cụm

- Làm cỏ xới đất 4 lần, lần đầu khi tre được 1 năm tuổi, tiếp theo 3 tháng/1 lần.

Đơn vị tính: 1 cụm

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
20.20.00	Làm cỏ, xới đất xung quanh gốc tre	Nhân công bậc 1,5/7	công	0,110

20.30.00. ĐẬP GỐC TRE (KHI TRE 2 - 3 NĂM TUỔI).

+ Thành phần công việc

- Xới đất xung quanh gốc bụi tre.

- Dùng bùn ao hoặc đất phù sa đã được phơi khô đập nhỏ phủ lên gốc tre dày 30-40 cm, rộng 1 - 2 m² theo yêu cầu thiết kế.

- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30 m.

Đơn vị tính: 1 m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
20.30.00.	Đập gốc tre	Vật liệu Đất màu Nhân công bậc 1,5/7	m ³ công	1,2 0,550

